

Tổng cục Thuế

Tin tức

Tin bài về thuế

In bài

Gửi bài

Giải đáp một số vướng mắc của người nộp thuế liên quan đến Quyết toán thuế Thu nhập cá nhân năm 2021

Ngày 29/03/2022

Ngày 22/3/2022, Tổng cục Thuế tổ chức chương trình hỗ trợ trực tuyến hướng dẫn quyết toán thuế TNCN trên Cổng TTĐT Tổng cục Thuế tại địa chỉ <http://www.gdt.gov.vn>, trong thời gian chương trình diễn ra, hàng trăm câu hỏi của NNT đã được Tổng cục Thuế tiếp nhận và trả lời. Sau đây là nội dung giải đáp một số vướng mắc thường gặp:

I. Giải đáp các vướng mắc liên quan khấu trừ thuế TNCN và đối tượng quyết toán thuế TNCN

Câu hỏi: Công ty tôi có trụ sở chính tại Hưng Yên và văn phòng đại diện tại Hà Nội (sau đây gọi là “VPĐD”). VPĐD chỉ phục vụ là địa điểm cho nhân viên ngồi làm việc, không có chức năng kinh doanh, không bổ nhiệm bất kỳ chức danh gì liên quan đến VPĐD, Các khoản trích theo lương của nhân viên làm việc tại VPĐD vẫn nộp về BHXH Hưng Yên. Theo điều 19, thông tư 80/2021/TT-BTC, thuế TNCN của nhân viên làm việc tại VPĐD ở Hà Nội sẽ nộp về cơ quan thuế Hà Nội hay cơ quan thuế Hưng Yên?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 80/2021/TT-BTC thì trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại tỉnh khác với nơi NNT đóng trụ sở chính và doanh nghiệp chỉ trả tập trung cho người lao động làm việc tại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh này thì doanh nghiệp phải:

- Khấu trừ thuế và kê khai thuế TNCN từ tiền lương, tiền công tập trung tại trụ sở chính
- Phải lập bảng phân bổ thuế cho các địa phương nơi người lao động làm việc
- Nộp hồ sơ khai thuế, bảng phân bổ cho CQT quản lý trực tiếp trụ sở chính.

Như vậy, DN chỉ trả thuế TNCN cho người lao động làm việc tại VPĐD tại Hà Nội thì DN nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan thuế Hưng Yên là cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp và phân bổ thuế, nộp tiền vào NSNN cho TP Hà Nội nơi có người lao động làm việc tại VPĐD tại Hà Nội.

Câu hỏi: Doanh nghiệp tôi có ký hợp đồng với tư vấn viên, mức chi trả theo hợp đồng là 70 triệu/tháng, thanh toán vào cuối tháng. Vậy khoản phí tư vấn này có phải khấu trừ thuế TNCN hàng tháng không? Mức khấu trừ là bao nhiêu %? Khi hết năm thì doanh nghiệp xuất chứng từ gì cho Tư vấn viên kia tự quyết toán thuế TNCN? Nếu phải khấu trừ thuế TNCN hàng tháng thì thuế này kê khai vào loại tờ khai nào?

Trả lời: Theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 2, Thông tư 111/2013/TT-BTC: Các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương tiền công bao gồm:

“c) Tiền thù lao nhận được dưới các hình thức như: tiền hoa hồng đại lý bán hàng hóa, tiền hoa hồng môi giới; tiền tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; tiền tham gia các dự án, đề án; tiền nhuận bút theo quy định của pháp luật về chế độ nhuận bút; tiền tham gia các hoạt động giảng dạy; tiền tham gia biểu diễn văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao; tiền dịch vụ quảng cáo; tiền dịch vụ khác, thù lao khác.”

Theo quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 25 Thông tư 111/2013/TT-BTC:

“i) Khấu trừ thuế đối với một số trường hợp khác

Các tổ chức, cá nhân trả tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động (theo hướng dẫn tại điểm c, d, khoản 2, Điều 2 Thông tư này) hoặc ký hợp đồng lao động dưới ba (03) tháng có tổng mức trả thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân.”

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Thông tư 111/2013/TT-BTC:

“2. Chứng từ khấu trừ

a) Tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập đã khấu trừ thuế theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều này phải cấp chứng từ khấu trừ thuế theo yêu cầu của cá nhân bị khấu trừ. Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thì không cấp chứng từ khấu trừ.

b) Cấp chứng từ khấu trừ trong một số trường hợp cụ thể như sau:

b.1) Đối với cá nhân không ký hợp đồng lao động hoặc ký hợp đồng lao động dưới ba (03) tháng: cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ cho mỗi lần khấu trừ thuế hoặc cấp một chứng từ khấu trừ cho nhiều lần khấu trừ thuế trong một kỳ tính thuế.

b.2) Đối với cá nhân ký hợp đồng lao động từ ba (03) tháng trở lên: tổ chức, cá nhân trả thu nhập chỉ cấp cho cá nhân một chứng từ khấu trừ trong một kỳ tính thuế.

Căn cứ quy định nêu trên thì doanh nghiệp của bạn phải khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân. Tổ chức trả thu nhập đã khấu trừ thuế TNCN phải cấp chứng từ khấu trừ thuế theo yêu cầu của cá nhân bị khấu trừ. Trường hợp tổ chức trả thu nhập khấu trừ thuế TNCN hàng tháng thì tổ chức kê khai Tờ khai thuế TNCN (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công) mẫu số 05/KK-TNCN ban hành kèm theo Phụ lục II, Thông tư 80/2021/TT-BTC.

Câu hỏi: Công ty tôi trả toàn bộ thuế TNCN cho người lao động, thì cuối năm quyết toán thuế TNCN tổng thu nhập chịu được tính như sau: Tổng thu nhập chịu thuế= Tổng thu nhập tính thuế sau quy đổi + các khoản giảm trừ + bảo hiểm XH. Cách tính như trên có đúng không?

Tin mới

Giải đáp một số vướng mắc của người nộp thuế liên quan đến quyết toán thuế TNDN năm 2021 (29/03/2022)

Cộng đồng doanh nghiệp yên tâm hơn nhờ được hỗ trợ trực tuyến (28/03/2022)

Chống thất thu thuế trong kinh doanh bất động sản phải thực hiện nghiêm quy định về công chứng (28/03/2022)

“Tháng 3 biên giới” - Chương trình thiện nguyện của Đoàn thanh niên cơ quan Tổng cục Thuế (28/03/2022)

Xem thêm

Video



00:0000:00

Bản tin Thuế Tháng 3 tuần 4 năm 2022

Tổng cục Thuế công bố cổng thông tin dành cho nhà cung cấp nước ngoài và ứng dụng Etax mobile

Điểm thông tin Thuế Tháng 03, tuần 03 năm 2022

eTax Mobile - Hình thức hỗ trợ người nộp thuế nhanh chóng, thuận tiện

Xem thêm



CÔNG KHAI THÔNG TIN HỘ KINH DOANH NGƯỜI NỘP THUẾ KHOẢN



CÔNG KHAI THÔNG TIN VĂN BẢN



TRA CỨU THÔNG TIN NGƯỜI NỘP THUẾ



CÔNG KHAI HỒ SƠ KHIẾU NẠI



QUYẾT ĐỊNH CƯỜNG CHẾ VỀ HÓA ĐƠN



DANH SÁCH DOANH NGHIỆP THUỘC LOẠI RỦI RO CAO VỀ THUẾ

https://gdt.gov.vn/wps/portal/!ut/p/z/1/tvNdb4lwFP0rvvBleilf5dGpUWRsuglIX0iHCGyj4Gz8-PcrW7ZkD4qLsQ-9vcnpObcnp4iJaKc7cqibLm7F32MbW...

1/10

Trả lời: Trường hợp Công ty trả thay toàn bộ tiền thuế TNCN cho người lao động (trả lương không bao gồm thuế), khi quyết toán thuế TNCN, Công ty phải quy đổi thu nhập không bao gồm thuế thành thu nhập tính thuế của người lao động đó theo hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 7 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

Câu hỏi: **Cá nhân ký hợp đồng lao động trên 3 tháng nhưng mới làm việc được 2 tháng xin nghỉ việc** vậy tính thuế như thế nào? Kế khai tại 05-1/BK-QTT-TNCN hay 05-2/BK-QTT-TNCN?

Trả lời: Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC, người lao động **ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên** thì tổ chức trả thu nhập **thực hiện khấu trừ thuế theo Biểu thuế lũy tiến từng phần**. Do đó, công ty kế khai cá nhân thuộc trường hợp này tại bảng kê **05-1/BK-QTT-TNCN**.

Câu hỏi: Đối với trường hợp cá nhân phải tự quyết toán thuế TNCN, nếu cá nhân đó tự xác định được năm 2021 cá nhân nộp thừa thuế hoặc không phát sinh thêm thuế phải nộp nên cá nhân đó không muốn thực hiện quyết toán thuế TNCN thì có được không?

Trả lời: Theo quy định tại tiết d.3 điểm d, khoản 6, Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định thì cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công từ hai nơi trở lên mà không đáp ứng điều kiện được ủy quyền quyết toán theo quy định thì phải trực tiếp khai quyết toán thuế TNCN với cơ quan thuế nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo. Trường hợp, cá nhân không phát sinh số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế thu nhập cá nhân phải nộp thêm sau quyết toán của từng năm từ 50.000 đồng trở xuống hoặc có số thuế thu nhập cá nhân phải nộp nhỏ hơn số thuế đã tạm nộp mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo thì không phải quyết toán thuế TNCN.

Câu hỏi: Nếu người lao động làm trọn vẹn tại đơn vị hết năm 2021, từ 1/1/2022 người lao động chuyển sang làm việc tại đơn vị khác (hai đơn vị cùng hệ thống) thì người lao động sẽ thực hiện quyết toán thuế TNCN năm 2021 tại đơn vị cũ hay đơn vị mới?

Trả lời: Theo quy định tại tiết d.2 điểm d Khoản 6 Điều 8 nghị định 126/2020/NĐ-CP: “d.2) Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập, cụ thể như sau:

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện việc quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm. Trường hợp cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới theo quy định tại điểm d.1 khoản này thì cá nhân được ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức mới.

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm; đồng thời có thu nhập vắng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.”

Theo đó, cá nhân được điều chuyển trong cùng một hệ thống thì cá nhân được ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức mới.

Câu hỏi: Doanh nghiệp chúng tôi không có đối tượng nào có thu nhập đến mức phải nộp thuế TNCN, xin hỏi doanh nghiệp có cần phải làm quyết toán thuế TNCN không và làm như thế nào?

Trả lời: Theo quy định tại điểm d, Khoản 6, Điều 8, Nghị định 126/2020/NĐ-CP: “Tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế TNCN không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế và quyết toán thuế TNCN thay cho cá nhân có ủy quyền. Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế TNCN cho tổ chức và có số thuế phải nộp thêm sau quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống thuộc diện được miễn thuế thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập vẫn kê khai thông tin cá nhân được trả thu nhập đó tại hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân của tổ chức và không tổng hợp số thuế phải nộp thêm của các cá nhân có số thuế phải nộp thêm sau quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống.”

Theo đó, DN vẫn phải thực hiện kê khai đầy đủ, tổng thu nhập chịu thuế và các chỉ tiêu liên quan trên bảng kê 05/QTT-TNCN không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế.

Câu hỏi: Tôi có 3 vấn đề muốn hỏi như sau:

1.Công ty tôi đơn phương chấm dứt HĐLĐ với người lao động thì tiền bồi thường có phải là thu nhập chịu thuế không? Công ty viết chứng từ khấu trừ thuế TNCN cộng cả số tiền này vào TNCT và khấu trừ thuế TNCN của NLD, vậy nếu ko phải là TNCT thì khi quyết toán thuế TNCN NLD có thể được hoàn lại số thuế TNCN đã bị công ty khấu trừ không ạ?

2.Tiền trợ cấp điện thoại được ghi trong HĐLĐ có được loại khỏi TNCT không ạ?

3.Công ty dựa vào điều 4 Luật Lao động năm 2019 là khuyến khích DN giải quyết theo hướng có lợi cho NLD, nên công ty vẫn tính số ngày chưa nghỉ phép và chỉ trả phép năm 2021 cho NLD. Vậy số tiền này có tính vào TNCT không?

Trả lời:

1. Căn cứ theo khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính và khoản 3 Điều 12 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm n khoản 1 Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC quy định về các khoản thu nhập được miễn thuế thì khoản bồi thường thiệt hại do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật ngoài quy định của Bộ Luật Lao động thì phải tính vào thu nhập chịu thuế. Trường hợp khoản này theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động thì được miễn thuế TNCN. Trường hợp xác định sai TNCT, cá nhân có thể xác định lại khi quyết toán (có xác nhận cụ thể của Công ty) để quyết toán, hoàn thuế TNCN nếu có.


2. Phần khoản chi điện thoại cao hơn mức quy định của Nhà nước thì tính vào TNCT.

3. Theo quy định của Bộ Luật Lao động thì nếu người lao động chưa nghỉ phép hàng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ phép hàng năm được chỉ trả phép chưa nghỉ thì theo Luật thuế TNCN khoản tiền này phải tính vào TNCT.


Câu hỏi: Công ty tôi có thuê kho xưởng của 1 nhân viên trong công ty, nhân viên đó ủy quyền cho chúng tôi quyết toán thuế TNCN, vậy khi quyết toán thuế TNCN cho cá nhân đó, công ty có phải cộng thêm khoản tiền cá nhân nhận được từ việc cho công ty thuê xưởng hay không?

Trả lời: Theo quy định hiện hành về luật thuế TNCN, thu nhập từ cho thuê kho xưởng là thu nhập của cá nhân từ hoạt động kinh doanh, do đó, cá nhân không phải thực hiện quyết toán thuế đối với khoản thu nhập này. Như vậy trong trường hợp này, công ty chỉ thực hiện quyết toán thuế TNCN về tiền lương, tiền công cho cá nhân ủy quyền quyết toán thuế.

Câu hỏi: Cá nhân thuộc diện phải nộp tờ khai quyết toán thuế TNCN trực tiếp với cơ quan thuế (bao gồm cá nhân có 2 nguồn thu nhập, người nước ngoài khi về nước, cá nhân nước ngoài thuộc diện quyết toán vắn năm), tuy nhiên không phát sinh số thuế phải nộp thì có bắt buộc phải nộp tờ khai quyết toán thuế không? Trường hợp phải nộp nhưng cá nhân nộp muộn, tuy nhiên không phát sinh số thuế phải nộp thì có bị phạt hành chính về nộp muộn tờ khai không?



DS ĐỊA ĐIỂM BÁN HÀNG
HOÀN THUẾ GTGT
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI



HTKK
HỖ TRỢ KÊ KHAI THUẾ



ETAX
DỊCH VỤ THUẾ ĐIỆN TỬ



TRA CỨU
THÔNG TIN HÓA ĐƠN

Trả lời: Căn cứ tiết d.3 điểm d, khoản 6 Điều 8, Nghị định 126/2020/NĐ-CP, cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công không phải trực tiếp khai quyết toán thuế TNCN trong các trường hợp sau đây:

- Cá nhân có số thuế thu nhập cá nhân phải nộp thêm sau quyết toán của từng năm từ 50.000 đồng trở xuống. Cá nhân được miễn thuế trong trường hợp này tự xác định số tiền thuế được miễn, không bắt buộc phải nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân và không phải nộp hồ sơ miễn thuế.

- Cá nhân có số thuế thu nhập cá nhân phải nộp nhỏ hơn số thuế đã tạm nộp mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo;

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị, đồng thời có thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu thì không phải quyết toán thuế đối với phần thu nhập này;

- Cá nhân được người sử dụng lao động mua bảo hiểm nhân thọ (trừ bảo hiểm hưu trí tự nguyện), bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm mà người sử dụng lao động hoặc doanh nghiệp bảo hiểm đã khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% trên khoản tiền phí bảo hiểm tương ứng với phần người sử dụng lao động mua hoặc đóng góp cho người lao động thì người lao động không phải quyết toán thuế TNCN đối với phần thu nhập này.

Trường hợp NNT thuộc diện phải trực tiếp quyết toán thuế TNCN nhưng nộp muộn, nộp quá thời hạn hồ sơ quyết toán thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi: Tháng 01/2021 công ty đã nộp 1 khoản tiền thuế TNCN vào ngân sách nhưng trong năm 2021 DN ko phát sinh khấu trừ thuế trên tờ khai khấu trừ thuế TNCN hàng tháng. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, DN phát hiện ra có tháng 4,5 DN kê khai thiếu thu nhập chịu thuế. Số tiền phát sinh này DN được bù trừ với số tiền thuế DN nộp thừa đang treo trên hệ thống thì DN có phải nộp tờ khai bổ sung cho tháng 4,5 không? DN ko phải nộp tiền thuế bổ sung như trên thì có bị tính chậm nộp khi nộp lại tờ khai bổ sung tháng 4,5 không

Trả lời: Căn cứ Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định thì trường hợp Doanh nghiệp của bạn sau khi tính toán lại thì tháng 4 và tháng 5 có phát sinh khấu trừ thuế TNCN thì Doanh nghiệp của bạn phải khai bổ sung tờ khai thuế TNCN tháng 4 và tháng 5, đồng thời tổng hợp số liệu đã khai bổ sung tháng 4 và tháng 5 vào hồ sơ khai quyết toán thuế năm.

Theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 21 và Điều 25 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính thì trường hợp Doanh nghiệp có số thuế nộp thừa vào tháng 1/2021 và khai bổ sung tháng 4/2021 và tháng 5/2021 có phát sinh số thuế TNCN phải nộp, hệ thống của cơ quan thuế sẽ tự động bù trừ số thuế nộp thừa với số thuế phát sinh phải nộp trên cùng 1 nội dung kinh tế (tiểu mục). Trường hợp, sau khi đã bù trừ theo quy định của pháp luật mà Công ty vẫn còn thừa tiền thuế thì Doanh nghiệp không bị tính tiền chậm nộp.

Câu hỏi: Tôi muốn hỏi thủ tục, mẫu biểu để cấp hay chuyển đổi mã số thuế cho người đã có mã số thuế người phụ thuộc như thế nào ạ? (bên công ty tôi có người lao động từng là người phụ thuộc được cấp mã số thuế người phụ thuộc, giờ họ làm tại công ty tôi làm nhưng tôi xin cấp mã số thuế nộp thuế cho họ không được thì phải làm như thế nào ạ?

Trả lời: Trường hợp này, Công ty sử dụng mã số thuế người phụ thuộc đã được cấp để khai thuế cho cá nhân đó. Khi Công ty gửi hồ sơ khai thuế mà trên đó có phát có nghĩa vụ thuế cá nhân đó đến thì cơ quan thuế sẽ tự động chuyển mã số thuế người phụ thuộc thành mã số thuế nộp thuế.

Câu hỏi: Người lao động tại doanh nghiệp khi quyết toán thuế TNCN không phát sinh thừa hay thiếu thuế TNCN phải nộp có phải làm uỷ quyền quyết toán thuế TNCN cho doanh nghiệp không? Cảm ơn

Trả lời: Theo quy định của pháp luật thuế TNCN và Luật Quản lý thuế, trường hợp người lao động thuộc diện được ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thay thuế TNCN thì cá nhân có thể ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thay không phân biệt có hoặc không phát sinh số thuế phải nộp thêm hoặc phát sinh số thuế nộp thừa.

Câu hỏi: Kính mong Tổng cục Thuế hướng dẫn tôi kê khai thuế TNCN trong trường hợp như sau: Chị H làm việc từ tháng 01 đến tháng 06/2021 tại công ty A. Sau đó được điều chuyển từ tháng 07/2021 đến công ty B và hiện tại vẫn đang làm việc tại đó. Chị H có ủy quyền cho công ty B quyết toán thuế TNCN 2021.

Vậy cho tôi hỏi: Công ty A có phải kê khai quyết toán thuế cho chị H trong thời gian làm việc từ tháng 01 đến tháng 06/2021 không? Nếu có thì sẽ kê khai trên tờ khai 05/QTT-TNCN như thế nào? **Trả lời:** Theo quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP, trường hợp chị H là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới và tổ chức cũ và tổ chức mới trong cùng một hệ thống thì tổ chức mới có trách nhiệm quyết toán thuế TNCN theo ủy quyền của cá nhân đối với cả phần thu nhập do tổ chức cũ chi trả và tổ chức trả thu nhập mới thu lại chứng từ khấu trừ thuế TNCN do tổ chức trả thu nhập cũ đã cấp cho người lao động (nếu có). Trường hợp chị H là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới nhưng tổ chức cũ và tổ chức mới không cùng một hệ thống thì cá nhân người lao động thuộc diện phải trực tiếp quyết toán thuế TNCN.

Câu hỏi: Trong năm 2021, thu nhập của ông A tại đơn vị được tính thuế lũy tiến (viên chức), tuy nhiên ông A có thu nhập từ việc làm đề tài nghiên cứu của Sở, do đơn vị chi hộ và đã được khấu trừ thuế 10% tại nguồn, đơn vị đã kê khai thuế cho phần thu nhập này. Vậy khi lên tờ khai quyết toán, thu nhập từ đề tài nghiên cứu của ông A được đưa vào bảng nào trên tờ khai quyết toán thuế TNCN.

Trả lời: Căn cứ tiết d.3 điểm d, khoản 6 Điều 6, Nghị định 126/2020/NĐ-CP, cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị, đồng thời có thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu thì không phải quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

Câu hỏi: Cá nhân có thu nhập 2 nơi, 1 nơi ký HĐLĐ chính thức khấu trừ theo biểu thuế lũy tiến từng phần, nơi thứ 2 đã khấu trừ 10% trên thu nhập. Vậy tôi có phải thuộc diện tự quyết toán thuế TNCN hay không?

Trả lời: Theo quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP, cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công từ hai nơi trở lên mà không đáp ứng điều kiện được ủy quyền quyết toán theo quy định thì phải trực tiếp khai quyết toán thuế TNCN với cơ quan thuế nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo. Đối với trường hợp cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị, đồng thời có thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu thì không phải quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

Theo đó, nếu thu nhập vãng lai ở nơi thứ 2 của anh/chị bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% mà anh/chị không có yêu cầu thì anh/chị có thể ủy quyền quyết toán cho tổ chức trả thu nhập mà anh/chị ký hợp

đồng lao động chính thức và không phải quyết toán thuế đối với phần thu nhập nơi thứ 2 được khấu trừ theo tỷ lệ 10%.

Câu hỏi: Trường hợp NLD có thu nhập chịu thuế từ 2 tổ chức là các công ty con trong cùng tập đoàn. Trong đó, NLD ký HĐLĐ với tổ chức A và thu nhập tại tổ chức này là thu nhập tính thuế lũy tiến, NLD ký HĐ dịch vụ với tổ chức B và thu nhập tại đơn vị này là thu nhập khấu trừ thuế vãng lai (10%). Như vậy NLD này có đủ điều kiện để ủy quyền cho tổ chức A quyết toán thuế hay không?

Trả lời: Theo quy định tại tiết d.2, điểm d, khoản 6, Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP, cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm dương lịch; đồng thời có thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

Theo đó, trường hợp NLD có thu nhập từ hai nơi trở lên mà thu nhập vãng lai ở nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% thì có thể ủy quyền quyết toán thuế TNCN cho tổ chức A.

Câu hỏi: Trong năm 2021, Văn phòng Quốc hội có rất nhiều trường hợp cán bộ, công chức điều chuyển công tác trong cùng hệ thống chính trị (các cơ quan nhà nước) do được bầu cử đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ mới, bổ nhiệm các chức danh nên nhiều cán bộ, công chức có hai nguồn thu nhập trong năm 2021. (Ví dụ, chuyển từ UBND thành phố Hà Nội sang Quốc hội, Chuyển từ Bộ Quốc phòng sang Quốc hội...)

Như vậy, trong những trường hợp này, các cán bộ, đại biểu Quốc hội có được ủy quyền cho Văn phòng Quốc hội quyết toán thuế năm 2021 không?

Rất mong nhận được sự phúc đáp của Quý đơn vị.

Trả lời: Căn cứ điểm d.1 Khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP: “Tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế và quyết toán thay cho các cá nhân có ủy quyền do tổ chức, cá nhân trả thu nhập chi trả, không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế. Trường hợp tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập thì không phải quyết toán thuế thu nhập cá nhân. Trường hợp cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tổ chức cũ và tổ chức mới trong cùng một hệ thống thì tổ chức mới có trách nhiệm quyết toán theo ủy quyền của cá nhân đối với cả phần thu nhập do tổ chức cũ chi trả và thu lại chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân do tổ chức cũ đã cấp cho người lao động (nếu có).”

Như vậy, trường hợp cán bộ, công chức điều chuyển công tác trong cùng hệ thống chính trị (các cơ quan nhà nước) do được bầu cử đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ mới, bổ nhiệm các chức danh nên nhiều cán bộ, công chức có hai nguồn thu nhập trong năm 2021 (Ví dụ, chuyển từ UBND thành phố Hà Nội sang Quốc hội, Chuyển từ Bộ Quốc phòng sang Quốc hội...) không thuộc trường hợp được ủy quyền quyết toán. Để khai, nộp hồ sơ quyết toán thuế điện tử, cá nhân thực hiện đăng ký tài khoản điện tử (nếu chưa có tài khoản khai thuế điện tử) tại Cổng dịch vụ Công điện tử của Chính phủ để thực hiện khai thuế điện tử. Về nộp thuế điện tử, người nộp thuế là cá nhân cũng được hỗ trợ nộp thuế điện tử qua ứng dụng Thuế điện tử E-tax Mobile trên thiết bị di động. Người nộp thuế cần hỗ trợ cụ thể mời liên hệ với Tổng cục Thuế (Vụ Quản lý thuế Doanh nghiệp vừa và nhỏ và Hộ kinh doanh, cá nhân) theo số điện thoại: 02439.712.555, số máy lẻ: 4161.

Câu hỏi: Quy định mới có nhắc đến cụm từ người lao động làm việc tại thời điểm tổ chức trả thu nhập thực hiện việc quyết toán, vậy trường hợp người lao động nghỉ từ tháng 1, công ty làm quyết toán trong tháng 3 thì người lao động này có đc ủy quyền không

Trả lời: Theo quy định tại tiết d.2, điểm d, khoản 6, điều 8 nghị định 126/2020/NĐ-CP, cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm dương lịch.

Theo đó, trường hợp cá nhân không làm việc tại tổ chức vào thời điểm quyết toán thuế thì cá nhân không đáp ứng điều kiện được ủy quyền quyết toán thuế nên phải trực tiếp quyết toán thuế.

Câu hỏi: Tôi đang công tác tại chi nhánh của 1 ngân hàng TMCP, trong năm 2021 tôi chỉ phát sinh thu nhập tiền lương tiền công tại chi nhánh. Đồng thời trong năm 2021, tôi có được tặng 1 huy hiệu bằng vàng từ Trụ sở chính ngân hàng, tiền huy hiệu đó chưa khấu trừ thuế. Kế toán có giải thích là trong trường hợp này tôi phải tự quyết toán thuế thu nhập cá nhân. Nhưng tôi thấy Trụ sở chính và chi nhánh bản chất vẫn là cùng 1 ngân hàng TMCP, nên tôi muốn hỏi rằng:

1. Chi nhánh có được quyết toán thuế luôn phần thu nhập và thuế mà trụ sở chính đã tạm trích hay ko?
2. Trong trường hợp nếu tôi đã lỡ ủy quyền quyết toán thuế, số thuế phải nộp thêm tôi đã nộp đủ (tính cả phần thu nhập phát sinh thêm từ Trụ sở chính), nếu thuế kiểm tra thấy tôi phải tự đi quyết toán, thì khi đi nộp tờ khai lại tôi có bị phạt gì ko?

Trả lời:

1.Theo quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP, cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công từ hai nơi trở lên mà không đáp ứng điều kiện được ủy quyền quyết toán theo quy định thì phải trực tiếp khai quyết toán thuế TNCN với cơ quan thuế nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo. Đối với trường hợp cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị, đồng thời có thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu thì không phải quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

Theo đó, nếu phần thu nhập chịu thuế nhận được từ trụ sở chính của của anh/chị bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% mà anh/chị không có yêu cầu thì anh/chị có thể ủy quyền quyết toán cho chi nhánh và không phải quyết toán thuế đối với phần thu nhập từ trụ sở chính được khấu trừ theo tỷ lệ 10%. Trường hợp thu nhập chịu thuế nhận được từ trụ sở chính của anh/chị bình quân tháng trong năm trên 10 triệu đồng, anh/chị thuộc diện phải trực tiếp quyết toán thuế TNCN. Trường hợp trụ sở chính chưa thực hiện khấu trừ thuế 10% thì anh chị không thuộc diện được ủy quyền quyết toán thuế cho chi nhánh.

2. Cá nhân sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế, tổ chức trả thu nhập đã thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân, nếu phát hiện cá nhân thuộc diện trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế thì tổ chức trả thu nhập không điều chỉnh lại quyết toán thuế TNCN của tổ chức trả thu nhập, chỉ cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân theo số quyết toán và ghi vào góc dưới bên trái của chứng từ khấu trừ thuế nội dung: “Công ty ... đã quyết toán thuế TNCN thay cho Ông/Bà (theo ủy quyền) tại dòng (số thứ tự) ... của Phụ lục Bảng kê 05-1/BK-TNCN” để cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế.

Câu hỏi: TCT cho tôi hỏi về hồ sơ hoàn thuế dành cho tổ chức chi trả thu nhập khi được ủy quyền quyết toán thuế cho người lao động cần những gì ạ?

Trả lời: Theo hướng dẫn tại điểm a Khoản 1 Điều 42 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính thì hồ sơ đề nghị hoàn thuế TNCN từ tiền lương, tiền công của tổ chức trả thu nhập gồm:

- Văn bản đề nghị xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo mẫu số 01/DNXLNT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính;

- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp người nộp thuế không trực tiếp thực hiện thủ tục hoàn thuế, trừ trường hợp đại lý thuế nộp hồ sơ hoàn thuế theo hợp đồng đã ký giữa đại lý thuế và người nộp thuế;

- Bảng kê chứng từ nộp thuế theo mẫu số 02-1/HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính (áp dụng cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập).

Câu hỏi: Năm 2021, Công ty thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) của công ty từ tháng 01 đến tháng 03/2021. Tuy nhiên bắt đầu từ tháng 04/2021 do Công ty gặp khó khăn nên các thành viên HĐQT tạm thời không nhận chi trả thù lao cho đến khi Công ty vượt qua khó khăn. Nhưng khi quyết toán thuế TNCN hàng tháng thì Công ty vẫn kê khai các thành viên HĐQT. Đến tháng 12/2021 các thành viên HĐQT quyết định không nhận phần thù lao mà công ty đang nợ (Từ tháng 04 -12/2021). Cơ quan thuế cho tôi hỏi:

1. Khi thực hiện quyết toán thuế cuối năm thì Công ty chỉ quyết toán thuế số thuế cho các thành viên HĐQT đến hết tháng 03/2021 (vì chỉ phát sinh thù lao thực tế đến 03/2021) phải không?

2. Công ty tôi có cần điều chỉnh lại quyết toán hàng tháng từ tháng 04/2021 không?

Trả lời:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 8 Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công được xác định bằng tổng số tiền lương, tiền công, tiền thù lao, các khoản thu nhập khác có tính chất tiền lương, tiền công mà người nộp thuế nhận được trong kỳ tính thuế. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với tiền lương, tiền công là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho người nộp thuế. Do đó, công ty thực hiện quyết toán thuế TNCN trên thu nhập chịu thuế mà người nộp thuế thực tế nhận được trong kỳ tính thuế.

2. Theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019, trường hợp hồ sơ khai thuế tháng của công ty đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế. Bên cạnh đó, căn cứ khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, trường hợp công ty khai bổ sung không làm thay đổi nghĩa vụ thuế thì chỉ phải nộp Bản giải trình bổ sung và các tài liệu có liên quan, không phải nộp tờ khai bổ sung. Như vậy, công ty có thể thực hiện khai bổ sung và điều chỉnh lại tờ khai tháng/quý trong năm và tổng hợp số liệu khai bổ sung vào hồ sơ quyết toán thuế.

Câu hỏi: Đơn vị đã khấu trừ 10% thuế TNCN của tiền phụ cấp Hội đồng quản trị từ tháng 1/2022 đến tháng 3/2022. Và những người HĐQT này cũng về hưu trong tháng 3/2022. Vậy Đơn vị xin Thuế chứng từ khấu trừ thuế TNCN viết luôn trong quý 1/2022 này luôn được không và chứng từ này dùng làm quyết toán thuế TNCN cho năm 2022 được không? Và đơn vị sẽ không làm chứng từ khấu trừ điện tử nữa, vì sẽ không còn phát sinh trường hợp này nữa.

Trả lời: Căn cứ hướng dẫn tại Điều 12, Thông tư 78/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính, việc sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 37/2010/TT-BTC ngày 18/3/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc phát hành, sử dụng, quản lý chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân tự in trên máy tính (và văn bản sửa đổi, bổ sung) và Quyết định số 102/2008/QĐ-BTC ngày 12/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành mẫu chứng từ thu thuế thu nhập cá nhân đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Vì vậy, đơn vị vẫn có thể sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân giấy đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Câu hỏi: Xin Tổng cục Thuế hướng dẫn: Trường hợp điều chuyển nơi làm việc của giáo viên trong các trường thuộc hệ thống công lập của cùng 1 huyện, có được gọi là điều động cùng hệ thống để thực hiện ủy quyền quyết toán không?

Trả lời: Căn cứ điểm d.1 khoản 6 Điều 8 và điểm b khoản 8 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ, trường hợp cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công từ hai nơi trở lên không thuộc diện được ủy quyền quyết toán mà phải trực tiếp quyết toán thuế TNCN. Do đó, trường hợp giáo viên điều chuyển công tác trong các trường thuộc hệ thống công lập không thuộc diện được ủy quyền quyết toán.

II. Giải đáp các vướng mắc liên quan đến giảm trừ gia cảnh

Câu hỏi: Kính gửi Tổng cục Thuế: 1.Tôi muốn hỏi thời gian đăng ký giảm trừ người phụ thuộc như thế nào ạ. Ngày 21/03/2022 tôi đăng ký người phụ thuộc cho năm 2021 thì có được chấp nhận không ạ 2.Theo mẫu đăng ký người phụ thuộc (20-ĐK-TH-TCT) theo thông tư 105/2020/TT-BTC thì không có thời gian giảm trừ, vậy để thực hiện tăng hoặc giảm người phụ thuộc, tôi phải làm thế nào ạ? Tôi thực hiện theo mẫu cũ số 02-TH và đã được chấp nhận thì có được tính không ạ? Mong TCT có câu trả lời, trân trọng cảm ơn!

Trả lời:

1. Trường hợp người nộp thuế chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc trong năm tính thuế thì được tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng khi người nộp thuế thực hiện quyết toán thuế và có đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc. Riêng đối với người phụ thuộc khác theo hướng dẫn tại tiết d.4, điểm d, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì thời hạn đăng ký giảm trừ gia cảnh chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm tính thuế, quá thời hạn nêu trên thì không được tính giảm trừ gia cảnh cho năm tính thuế đó.

Mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ một lần vào một người nộp thuế trong năm tính thuế. Trường hợp nhiều người nộp thuế có chung người phụ thuộc phải nuôi dưỡng thì người nộp thuế tự thỏa thuận để đăng ký giảm trừ gia cảnh vào một người nộp thuế.

2. Đối với hồ sơ đăng ký người phụ thuộc

Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký người phụ thuộc trực tiếp tại cơ quan thuế, hồ sơ bao gồm:

+ Bản đăng ký người phụ thuộc theo mẫu số 07/ĐK-NPT-TNCN ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

+ Hồ sơ chứng minh người phụ thuộc theo hướng dẫn tại điểm g Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

+ Trường hợp người phụ thuộc do người nộp thuế trực tiếp nuôi dưỡng phải lấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã/phường nơi người phụ thuộc cư trú theo mẫu số 07/XN-NPT-TNCN ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

Trường hợp cá nhân đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc thông qua tổ chức, cá nhân trả thu nhập thì cá nhân nộp hồ sơ đăng ký người phụ thuộc theo hướng dẫn nêu trên cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập. Tổ chức, cá nhân trả thu nhập tổng hợp theo Phụ lục Bảng tổng hợp đăng ký người phụ thuộc cho người giảm trừ gia cảnh mẫu số 07/THĐK-NPT-TNCN ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính và nộp cho cơ quan thuế theo quy định.

Câu hỏi: Từ năm 2015 đến nay tôi có nhiều nguồn thu nhập trong năm, thuộc diện tự quyết toán thuế TNCN. Tuy nhiên, tôi chưa thực hiện quyết toán. Tôi có 03 người phụ thuộc là cha, mẹ và con nhưng tôi chưa từng đăng ký với cơ quan thuế. Vậy bây giờ tôi đi quyết toán thuế có được đăng ký 03 người phụ thuộc của mình không và có được tính giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc từ năm 2015 đến nay không?

Trả lời: Theo quy định tại tiết c.2, điểm c, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính, để được tính giảm trừ cho người phụ thuộc thì người nộp thuế phải thực hiện đăng ký giảm trừ cho người phụ thuộc theo quy định. Trường hợp người nộp thuế chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc trong năm tính thuế thì được tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng khi người nộp thuế thực hiện quyết toán thuế và có đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc. Riêng đối với người phụ thuộc khác theo hướng dẫn tại tiết d.4, điểm d, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì thời hạn đăng ký giảm trừ gia cảnh chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm tính thuế, quá thời hạn nêu trên thì không được tính giảm trừ gia cảnh cho năm tính thuế đó.

Theo đó, trường hợp cá nhân thuộc diện trực tiếp quyết toán thuế có nhiều nguồn thu nhập trong năm từ năm 2015, chưa tự quyết toán thuế TNCN từ năm 2015 và chưa từng đăng ký NPT gồm cha, mẹ và con, thì cá nhân được tính giảm trừ gia cảnh đối với NPT kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng khi thực hiện quyết toán thuế và đăng ký NPT theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Câu hỏi: Người lao động có ký hợp đồng lao động từ 3 tháng trở lên, làm việc từ ngày 1/1/2021 đến hiện tại. Tháng 5/2020 người lao động đăng ký NPT là con sinh năm 2019. Vậy khi quyết toán thuế TNCN năm 2021, người lao động được tính giảm trừ gia cảnh bao nhiêu tháng? Trường hợp đủ điều kiện ủy quyền quyết toán TNCN thì được tính bao nhiêu tháng? Xin cảm ơn!

Trả lời: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính thì người lao động đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc sẽ được tạm tính giảm trừ gia cảnh trong năm kể từ khi đăng ký. Trường hợp người nộp thuế chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc trong năm tính thuế thì được tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng khi người nộp thuế thực hiện quyết toán thuế và có đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc. Người nộp thuế chỉ phải đăng ký và nộp hồ sơ chứng minh cho mỗi một người phụ thuộc một lần trong suốt thời gian được tính giảm trừ gia cảnh. Trường hợp người nộp thuế thay đổi nơi làm việc, nơi kinh doanh thì thực hiện đăng ký và nộp hồ sơ chứng minh người phụ thuộc như trường hợp đăng ký người phụ thuộc lần đầu theo hướng dẫn tại tiết h.2.1.1.1 điểm h Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

Theo đó, trường hợp bạn đã đăng ký giảm trừ gia cảnh từ tháng 5/2020 thông qua tổ chức trả thu nhập và không thay đổi nơi làm việc thì khi thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân kỳ tính thuế năm 2021 bạn sẽ được tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc từ tháng 1/2021 đến tháng 12/2021.

Câu hỏi: Một cá nhân có ký HĐLĐ trên 3 tháng tại 1 công ty có thu nhập chưa đến 11 triệu, và có thu nhập tại 1 công ty khác dưới 4 triệu vậy có được giảm trừ bản thân tại công ty thứ nhất 11 triệu và công ty thứ 2 đăng ký con là người phụ thuộc được giảm trừ 4.4 triệu không?

Trả lời: Căn cứ tiết c.1, điểm c, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính, người nộp thuế có nhiều nguồn thu nhập từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh thì tại một thời điểm (tính đủ theo tháng) người nộp thuế lựa chọn tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân tại một nơi.

Căn cứ tiết c.2, điểm c, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính, để được tính giảm trừ cho người phụ thuộc thì người nộp thuế phải thực hiện đăng ký giảm trừ cho người phụ thuộc theo quy định và mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ một lần vào một người nộp thuế trong năm tính thuế.

Theo đó, cá nhân được đăng ký giảm trừ gia cảnh cho bản thân tại một nơi trong năm tính thuế và được tính giảm trừ gia cảnh đối với mỗi NPT vào một NNT trong năm tính thuế kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng khi thực hiện quyết toán thuế và đăng ký NPT theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Câu hỏi: Công ty tôi mới đi vào hoạt động T11/2021, người lao động hưởng lương 1 tháng tại Công ty, các tháng trước hưởng lương nơi khác. Vậy xin hỏi người lao động có được ủy quyền quyết toán không và thời gian giảm trừ gia cảnh là mấy tháng?

Trả lời: Theo quy định tại tiết d.2, điểm d, khoản 6, điều 8 nghị định 126/2020/NĐ-CP, cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm dương lịch; đồng thời có thu nhập vắng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu quyết toán thuế đối với phần thu nhập này. Theo đó, đối với cá nhân có hai nguồn thu nhập trở lên trong năm, trừ trường hợp cá nhân có thu nhập vắng lai ở nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% thì có thể ủy quyền quyết toán thuế TNCN cho tổ chức, các trường hợp khác mà cá nhân có hai nguồn thu nhập trở lên phải trực tiếp khai quyết toán thuế TNCN với cơ quan thuế.

Căn cứ tiết c.1, điểm c, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính, người nộp thuế có nhiều nguồn thu nhập từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh thì tại một thời điểm (tính đủ theo tháng) người nộp thuế lựa chọn tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân tại một nơi và trong năm tính thuế cá nhân chưa giảm trừ cho bản thân hoặc giảm trừ cho bản thân chưa đủ 12 tháng thì được giảm trừ đủ 12 tháng khi thực hiện quyết toán thuế theo quy định. Theo đó, cá nhân được tính giảm trừ gia cảnh đủ 12 tháng khi thực hiện quyết toán thuế theo quy định.

III. Giải đáp vướng mắc liên quan đến ứng dụng, mẫu biểu để quyết toán thuế.

Câu hỏi: Xin hỏi trường hợp: người lao động trong thời gian thử việc thì mức khấu trừ thuế TNCN là 10% trên thu nhập, hết thời gian thử việc người lao động được ký chính thức thì thuế TNCN tính theo biểu thuế lũy tiến. Như vậy cuối năm công ty tôi chỉ phải kê khai người đó ở phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN thôi hay phải kê khai ở cả 05-1/BK-QTT-TNCN và 05-2/BK-QTT-TNCN?

Trả lời: Căn cứ Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC, người lao động ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên thì tổ chức trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế TNCN theo Biểu thuế lũy tiến từng phần. Đối với cá nhân không ký hợp đồng lao động hoặc ký hợp đồng lao động dưới 3 tháng có tổng mức trả thu nhập từ 2 triệu đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân.

Như vậy, đối với trường hợp người lao động trong năm vừa có số thuế TNCN được khấu trừ theo thuế suất 10% vừa có số thuế TNCN được khấu trừ theo Biểu thuế lũy tiến từng phần: Nếu người lao động có ủy quyền quyết toán cho tổ chức trả thu nhập, anh/chị kê khai cá nhân đó tại Bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN cho toàn bộ thu nhập chịu thuế trong năm (bao gồm cả phần thu nhập được khấu trừ theo biểu thuế lũy tiến và theo mức thuế suất 10%). Nếu người lao động đó không ủy quyền quyết toán cho tổ chức trả thu nhập, anh/chị kê khai cá nhân đó tại cả hai bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN (thu nhập chịu thuế được khấu trừ theo biểu lũy tiến) và 05-2/BK-QTT-TNCN (thu nhập được khấu trừ theo mức thuế suất 10%).

Câu hỏi: Công ty tôi là công ty xây dựng ký hợp đồng với đại diện tổ thợ thi công, kèm theo danh sách thợ có MST TNCN, vậy khi quyết toán thuế TNCN phải kê khai phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN hay 05-2/BK-QTT-TNCN và có phải khấu trừ thuế trước khi chi trả hay không?

Trả lời: Căn cứ điểm i Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thì trường hợp công ty bạn trả tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động (theo hướng dẫn tại điểm c, d, khoản 2, Điều 2 Thông tư này) có tổng mức trả thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân.

Trường hợp những người lao động này ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế thì người lao động làm cam kết (theo mẫu 08-CK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính) gửi tổ chức trả thu nhập để tổ chức trả thu nhập làm căn cứ tạm thời chưa khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.

Trường hợp người lao động này thuộc trường hợp khấu trừ thuế TNCN theo thuế suất 10% thì kê khai trên Phụ lục số 05-2/BK-QTT-TNCN đính kèm tờ khai quyết toán thuế TNCN 05/QTT-TNCN.

Câu hỏi: Với các cán bộ trong đơn vị có thực hiện tự hoàn phần thuế TNCN đã khấu trừ trong năm. Bây giờ khi làm quyết toán thuế TNCN tôi có phải tích vào ủy quyền quyết toán thuế thay không?

Trả lời: Theo quy định, cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập, cụ thể như sau:

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện việc quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm dương lịch. Trường hợp cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tổ chức cũ và tổ chức mới trong cùng một hệ thống thì cá nhân được ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức mới.

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm dương lịch; đồng thời có thu nhập vắng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

- Cá nhân sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế, tổ chức trả thu nhập đã thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân, nếu phát hiện cá nhân thuộc diện trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế thì tổ chức trả thu nhập không điều chỉnh lại quyết toán thuế TNCN của tổ chức trả thu nhập, chỉ cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân theo số quyết toán và ghi vào góc dưới bên trái của chứng từ khấu trừ thuế nội dung: "Công ty ... đã quyết toán thuế TNCN thay cho Ông/Bà (theo ủy quyền) tại dòng (số thứ tự) ... của Phụ lục Bảng kê 05-1/BK-TNCN" để cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế. Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử thì in chuyển đổi từ chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử gốc và ghi nội dung nêu trên vào bản in chuyển đổi để cung cấp cho người nộp thuế.

Khi thực hiện quyết toán thuế TNCN, tổ chức trả thu nhập tổng hợp thu nhập của người lao động trong năm (bao gồm cả trường hợp ủy quyền quyết toán và không ủy quyền quyết toán).

Câu hỏi: 1. Chỉ tiêu 13 trong Bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN ở tờ khai quyết toán thuế TNCN: là thu nhập của cá nhân tại tổ chức mới trước khi tổng hợp thu nhập điều chuyển của đơn vị cũ bàn giao thu nhập đối với các nhân điều chuyển từ đơn vị cũ sang đơn vị mới đúng không?

2. Các cá nhân điều chuyển đi trong tổng công ty, đơn vị cũ đã bàn giao thu nhập cho đơn vị mới thì đơn vị cũ có phải kê khai cá nhân đó và không tích ủy quyền không?

Trả lời:

1. Đối với chỉ tiêu [13] Trong đó TNCT tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04] tại Tờ khai 05/QTT-TNCN) trên Bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN, tổ chức trả thu nhập kê khai các khoản thu nhập chịu thuế tại tổ chức cũ trước khi điều chuyển của người lao động.

2. Căn cứ điểm d.1 khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ, trường hợp cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới trong cùng một hệ thống thì tổ chức mới có trách nhiệm quyết toán thuế theo ủy quyền của cá nhân đối với cả phần thu nhập do tổ chức cũ chi trả và thu lại chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân do tổ chức cũ đã cấp cho người lao động (nếu có). Do đó, theo nguyên tắc tổng hợp thu nhập, khi quyết toán thuế TNCN, tổ chức cũ thực hiện kê khai cá nhân đó tuy nhiên không tích ủy quyền quyết toán thay

Câu hỏi: Khi tôi khai phụ biểu 05-1/BK-TNCN (cột 17) số tiền giảm trừ gia cảnh báo lỗi mặc dù đơn vị đã kiểm tra chính xác. Xin hướng dẫn cách khắc phục?

Trả lời: Ứng dụng xây dựng trên cơ sở tổng hợp số liệu từ các phụ lục lên tờ khai hoặc đối chiếu các phụ lục có dữ liệu liên quan với nhau, vì vậy nếu có số liệu ở phụ lục thì NNT phải khai phụ lục trước. Trường hợp này để không bị lỗi chỉ tiêu 17 - Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh trên phụ lục 05-1/BK-TNCN thì NNT phải khai đầy đủ Bảng kê 05-3 theo từng MST.

Câu hỏi: Trong Phụ lục Tờ khai 05-1/BK- TNCN tại chỉ tiêu (17) Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh, số tiền lớn hơn 132 triệu khi nhập sẽ bị lỗi. Xin được hướng dẫn trường hợp trên.

Trả lời: Phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN (cột 17- Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh) có số tiền lớn hơn 132 triệu có nghĩa là Anh/Chị đã giảm trừ cho người phụ thuộc. Vì ứng dụng sẽ kiểm tra ràng buộc tại các phụ lục, do đó Anh/Chị phải khai đầy đủ dữ liệu trên bảng kê 05-3/BK-QTT-TNCN (Bảng kê chi tiết người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh) để khớp với 05-1/BK-QTT-TNCN (Bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo bảng lũy tiến từng phần).

Câu hỏi: Tôi đang thực hiện quyết toán thuế TNCN 2021 cho người lao động. Trên phụ lục 05-1/BK - TNCN cột số 22 là tổng số thuế TNCN đã khấu trừ trong năm, tức là điền vào cột này số thuế TNCN của người lao động trong năm đã khấu trừ và tạm nộp thuế. Tuy

nhiền nếu trong năm tạm tính ra số thuế phải nộp của người lao động (giả sử 5 triệu) nhưng DN chưa khấu trừ và chưa nộp thuế tạm tính này (DN đang nợ thuế) thì khi quyết toán có điền số thuế 5 triệu này vào cột 22 không ạ? Tôi xin cảm ơn!

Trả lời: Chỉ tiêu [22] trên bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN là tổng số thuế TNCN đã khấu trừ trong năm, do đó, theo quy định, các tờ khai QTT năm phải khớp với các tờ khai tháng, quý trong năm. Trường hợp tổ chức đã khai tờ khai tháng, quý trong năm thì sẽ khai đầy đủ vào tờ khai quyết toán. Trường hợp khi QTT có thay đổi thì phải khai bổ sung lại các tờ khai, tháng quý trong năm.

Câu hỏi: Công ty có làm kê khai bổ sung quý 4 năm 2021 nhưng nộp thì báo lỗi như sau: "Có lỗi trong quá trình xử lý tờ khai. Tờ khai phát sinh các lỗi sau: null". Vậy làm sao để nộp lại tờ Khai thuế TNCN đã kê trong năm 2021?

Trả lời: Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 7 Nghị định 126 năm 2020 của Chính Phủ thì trường hợp tờ khai thuế TNCN tháng/quý của tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công nếu có sai sót thì phải thực hiện khai bổ sung (kể cả trường hợp đã nộp hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN) Hiện nay, Tổng cục Thuế đã nâng cấp ứng dụng eTax để thực hiện nhận tờ khai bổ sung, anh chị có thể sử dụng ứng dụng phiên bản mới nhất để khai bổ sung.

Câu hỏi: Trên bảng kê 05-3/BK-QTT-TNCN có chỉ tiêu "loại giấy tờ của NPT" (CMND/CCCD/Giấy khai sinh/Hộ chiếu/khác). Đối với NPT là con, đăng ký theo số định danh thì sẽ chọn loại giấy tờ là gì (số CCCD hay số giấy khai sinh hay loại khác)

Trả lời: Trên bảng kê 05-3/BK-QTT-TNCN có chỉ tiêu "loại giấy tờ của NPT" (CMND/CCCD/Giấy khai sinh/Hộ chiếu/khác). Trường hợp đăng ký người phụ thuộc là con theo số định danh thì bạn chọn loại giấy tờ là "khác".

Câu hỏi: NLD tại công ty trong thời gian thử việc sẽ tính thuế toàn phần 10%, sau đó mới ký HĐLĐ và bắt đầu tính thuế lũy tiến. Ngoài ra một số NLD có nhận thu nhập sau khi chấm dứt HĐ cũng tính thuế 10%. Các trường hợp vừa có thu nhập lũy tiến và thu nhập toàn phần như vậy, công ty có nên gộp lại toàn bộ vào Phụ lục BK 01 và xuất 1 chứng từ không hay bắt buộc phải tách rõ thu nhập trên hai Phụ lục 01 và 02?

Trả lời: Theo quy định, cuối năm khi thực hiện quyết toán thuế TNCN chính là việc tổ chức hay cá nhân tổng hợp lại các nguồn thu nhập trong năm để tính tổng thu nhập chịu thuế và xác định lại số thuế TNCN phải nộp hay là khấu trừ hoặc hoàn thuế (nếu có). Do đó, để khai quyết toán thuế TNCN cho cá nhân được đầy đủ trong trường hợp vừa có thu nhập lũy tiến và từng phần trong 1 tổ chức và ủy quyền cho tổ chức đó trong năm thì tổ chức có thể khai toàn bộ thu nhập của cá nhân trên một bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN.

Câu hỏi: Kính nhờ Tổng cục thuế hướng dẫn trong 2 trường hợp sau:

- Trường hợp NLD chấm dứt HĐLĐ ngày 01/03/2021, công ty trả lương tháng 02/2021 cho NLD vào ngày 09/03/2021, vậy phần thu nhập này công ty tính biểu thuế lũy tiến và tính giảm trừ bản thân, giảm trừ gia cảnh bình thường có đúng không?
- Trường hợp NLD chấm dứt HĐLĐ ngày 19/08/2021, ngày 09/10/2021 công ty trả 1 phần thu nhập từ tiền công, tiền lương nhỏ hơn 2 triệu đồng. Công ty không khấu trừ thuế TNCN 10% trên phần thu nhập dưới 2 triệu đó. Vậy khi QTT năm 2021, phần thu nhập trả ngày 09/10/2021 công ty kê khai lên mẫu 05-02/BK-QTT-TNCN hay cộng chung vào mẫu 05-01/BK-QTT-TNCN.

Trả lời:

- Theo quy định, NLD chấm dứt HĐLĐ ngày 01/03/2021. Ngày 09/03/2021, cty trả lương của tháng 02/2021 cho NLD thì phần thu nhập này sẽ được kê khai trên bảng kê 05-2/BK-QTT-TNCN
- Theo quy định tại điểm d, khoản 6, điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP thì tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế và quyết toán thay cho các cá nhân có ủy quyền do tổ chức, cá nhân trả thu nhập chi trả, không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế. Trường hợp NLD chấm dứt HĐLĐ ngày 19/08/2021. Ngày 09/10/2021, công ty trả 1 phần thu nhập từ tiền công, tiền lương nhỏ hơn 2 triệu. Công ty không khấu trừ thuế TNCN 10% trên phần thu nhập dưới 2 triệu đó. Vậy khi quyết toán thuế năm 2021, người lao động có hợp đồng dài hạn và nghỉ việc và đã được công ty trả thu nhập thì công ty vẫn phải kê khai thu nhập đã chi trả và số thuế đã khấu trừ (nếu có) của cá nhân đó trên bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN và không tích vào phần cá nhân ủy quyền quyết toán.

Câu hỏi: Năm 2020, cá nhân đã tự quyết toán thuế TNCN. Sau quyết toán thuế 2020, cá nhân phát sinh số thuế nộp thừa bù trừ vào kỳ sau. Năm 2021, khi cá nhân tự quyết toán thuế TNCN, số thuế nộp thừa của năm 2020 được bù trừ vào năm 2021 sẽ được điền trên chỉ tiêu nào của Tờ khai 02/QTT-TNCN?

Trả lời: Theo hướng dẫn tại Điều 25 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính thì người nộp thuế có khoản nộp thừa theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Luật Quản lý thuế thì sẽ được xử lý bù trừ với khoản nợ, khoản thu phát sinh của người nộp thuế có cùng 1 nội dung kinh tế (tiểu mục). Theo đó, trường hợp bạn thực hiện quyết toán thuế TNCN kỳ tính thuế 2020 có phát sinh số thuế nộp thừa và lựa chọn bù trừ cho các phát sinh của kỳ sau thì khi thực hiện quyết toán thuế TNCN kỳ tính thuế 2021 có phát sinh số thuế phải nộp thêm thì hệ thống cơ quan thuế sẽ tự động bù trừ với số thuế nộp thừa cùng tiểu mục (nếu có), bạn không cần điền phải thông tin số thuế nộp thừa trên tờ khai quyết toán thuế TNCN.

Câu hỏi: Tôi xin được hỏi 2 câu như sau:

- Đối với tờ khai quyết toán thuế TNCN ở chỉ tiêu số 32 của tờ khai không chỉnh được, vậy các trường hợp điều chuyển trong cùng hệ thống thì sẽ quyết toán như nào?
- Tờ khai quyết toán thuế TNCN đã được ghi thành công và kết xuất excel được nhưng không kết xuất XML để nộp được, vậy doanh nghiệp sẽ nộp báo cáo theo cách thức nào ạ?

Trả lời:

- Ứng dụng xây dựng trên cơ sở tổng hợp số liệu từ các phụ lục lên tờ khai hoặc đối chiếu các phụ lục có dữ liệu liên quan với nhau, vì vậy nếu có số liệu ở phụ lục thì NNT phải khai phụ lục trước. Đối với tờ khai quyết toán thuế TNCN ở chỉ tiêu số 32 của tờ khai không chỉnh được thì Anh/Chị khai đúng và đủ trên các phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN, 05-2/BK-QTT-TNCN, 05-3/BK-QTT-TNCN thì dữ liệu sẽ được tổng hợp lên chỉ tiêu số 32 trên tờ khai 05/QTT-TNCN
- Trường hợp này Tờ khai quyết toán thuế TNCN đã được ghi thành công và kết xuất excel được nhưng không kết xuất XML để nộp được thì đề nghị Anh/Chị kiểm tra sửa hết dữ liệu được cảnh báo đỏ trên các phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN, 05-2/BK-QTT-TNCN, 05-3/BK-QTT-TNCN thì sẽ kết xuất được XML.

Câu hỏi: Theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 80/2021/TT-BTC, Công ty chúng tôi đã nộp tờ khai thuế TNCN tháng 05/KK-TNCN kèm phụ lục phân bổ thuế 05/PBT tới Cục thuế tỉnh Bắc Ninh - Cục thuế quản lý của Trụ sở chính. Công ty chúng tôi có 2 chi nhánh do Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh và Cục thuế Hà Nội quản lý, vậy tiền thuế TNCN sẽ được phân bổ chuyển về từng cơ quan thuế hay Công ty chỉ cần chuyển tiền tới Cục thuế của Trụ sở chính và Cục thuế của Trụ sở chính sẽ thực hiện việc chuyển tiền tới Cục thuế của chi nhánh theo số liệu trên phụ lục phân bổ 05/PBT? Chúng tôi xin chân thành cảm ơn!

Trả lời: Doanh nghiệp chỉ trả tập trung tại trụ sở chính (tỉnh Bắc Ninh) có chi nhánh tại tỉnh khác với nơi đóng trụ sở chính (Hồ Chí Minh, Hà Nội) thì DN khấu trừ tập trung tại trụ sở chính và kê khai thuế, lập bảng phân bổ cho từng tỉnh mẫu số 05-1/PBT-TNCN và nộp hồ sơ khai thuế TNCN cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp (Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh), không phải nộp hồ sơ khai thuế TNCN cho cơ quan thuế nơi có chi nhánh. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải lập Giấy nộp tiền theo từng tỉnh để nộp tiền thuế TNCN cho từng tỉnh theo thông tin đã kê khai trên bảng phân bổ theo quy định tại Điều 12, Điều 19 Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

Câu hỏi: Xin hỏi trường hợp doanh nghiệp phát hiện tờ khai thuế quý I năm 2021 có sai sót nhưng không làm thay đổi số thuế TNCN phải nộp, theo quy định, doanh nghiệp sẽ không phải nộp tờ khai bổ sung của quý I năm 2021 mà chỉ phải nộp bản giải trình và các giấy tờ liên quan. Xin hỏi Tổng cục thuế là bản giải trình có trên phần mềm HTKK và nộp qua thuedientu được không?

Trả lời: Trường hợp phát hiện tờ khai thuế quý I năm 2021 có sai sót nhưng không làm thay đổi số thuế TNCN phải nộp khi khai bổ sung thì NNT chỉ phải nộp Bản giải trình khai bổ sung. Hiện nay Tổng cục thuế Hiện nay, Tổng cục Thuế đã nâng cấp ứng dụng eTax để thực hiện nhận tờ khai bổ sung, anh chị có thể sử dụng ứng dụng phiên bản mới nhất để khai trên phụ lục 01/KHBS của tờ khai Quý I năm 2021.

Câu hỏi: Tôi nhập thiếu thông tin khấu trừ BHXH, BHTN nên số tiền thuế quyết toán không đúng và lỡ đính kèm tờ khai. Bây giờ tôi muốn đính kèm lại thì hệ thống không cho. Xin hỏi tôi phải xử lý thế nào?

Trả lời: Trường hợp phát hiện tờ khai quyết toán (chính thức) đã nộp thành công có sai sót thì Doanh nghiệp phải nộp tờ khai bổ sung. Hiện nay, Tổng cục Thuế đã nâng cấp ứng dụng eTax để thực hiện nhận tờ khai bổ sung.

Câu hỏi: Khi doanh nghiệp làm quyết toán TNCN phát hiện số tiền thu nhập chịu thuế trên các tờ khai quý không khớp với số của tờ khai quyết toán TNCN năm, nhưng không làm thay đổi số thuế TNCN phải nộp của cả năm. Vậy doanh nghiệp có phải nộp lại tờ khai TNCN của quý bị sai ko?

Trả lời: Theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 7 Nghị Định số 126/2020/NĐ-CP thì trường hợp khai bổ sung không làm thay đổi nghĩa vụ thuế thì chỉ phải nộp Bản giải trình khai bổ sung và các tài liệu có liên quan, không phải nộp tờ khai bổ sung.

Câu hỏi: Tôi hiện ở Hà Nội, có một biệt thự cho chủ đầu tư thuê lại, thanh toán 6 tháng/lần. Hiện có 3 kỳ thanh toán 1/2021, 7/2021, 1/2022. Đề nghị Tổng cục hỗ trợ hướng dẫn tôi thủ tục quyết toán thuế TNCN online cho các khoản trên.

Trả lời: Trường hợp thu nhập từ biệt thự cho chủ đầu tư thuê lại, thanh toán 6 tháng/lần của Anh/Chị được xác định là thu nhập từ hoạt động kinh doanh cho thuê tài sản. Theo quy định tại Luật thuế TNCN, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Thông tư số 40/2021/TT-BTC thì từ năm 2015, chỉ có tổ chức, cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm quyết toán thuế TNCN, thu nhập từ kinh doanh không thuộc trường hợp phải quyết toán thuế TNCN.

Anh/Chị thực hiện khai thuế điện tử đối với thu nhập từ cho thuê tài sản theo mẫu 01/TTS và phụ lục kèm theo theo quy định trên thuedientu.gdt.gov.vn để khai trực tuyến theo kỳ thanh toán hoặc theo năm.

Câu hỏi: Hiện nay đơn vị đang thực hiện quyết toán thuế TNCN tuy nhiên trong năm đơn vị có thực hiện thanh toán tiền bản quyền và nộp thuế thay người bán. Đơn vị chúng tôi đang chưa biết là sẽ quyết toán phần thuế đó vào mẫu nào trên HTKK. Rất mong nhận được sự hướng dẫn của Quý cơ quan để đơn vị thực hiện đúng quy định pháp luật. Xin cảm ơn

Trả lời: Căn cứ quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, đối tượng quyết toán thuế TNCN bao gồm: tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương tiền công và cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công.

Do đó, đơn vị không thực hiện quyết toán thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng bản quyền. Đơn vị thực hiện khấu trừ thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng bản quyền và kê khai thuế TNCN theo mẫu số: 06/TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

IV. Giải đáp các vướng mắc liên quan đến các khoản hỗ trợ Covid-19

Câu hỏi: Trong thời gian dịch vừa qua, đơn vị tôi có phát sinh một số khoản chi liên quan người lao động (NLD) như sau:

- Thuê đơn vị bên ngoài xét nghiệm nhanh và PCR SARS CoV-2 cho NLD (có tên và thông tin người được xét nghiệm)
- Mua kit xét nghiệm nhanh và phát cho NLD tự xét nghiệm (NLD có ký nhận)
- Thuê khách sạn và chi phí liên quan chữa bệnh cho người nhiễm SARS CoV-2 (có tên và thông tin người sử dụng dịch vụ)

Vậy các khoản trên có tính vào thuế TNCN cho NLD khi quyết toán thuế TNCN không?

Trả lời: Về vấn đề này, Bộ Tài Chính (Tổng cục Thuế) đã có công văn 4110/TCT-DNNCN ngày 27/10/202, theo đó, trường hợp các khoản phí chi cách ly y tế do dịch covid-19, chi phí xét nghiệm Covid-19 xét nghiệm và các chi phí phí ẩn, ở của người lao động ở tại doanh nghiệp hoạt động theo phương án "3 tại chỗ" thì các khoản chi phí này được tính vào chi phí được trừ khi thuế thu nhập doanh nghiệp và không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của người lao động nếu phản ánh thực tế phát sinh và có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định của pháp luật.

Câu hỏi: NLD nhận tiền hỗ trợ covid từ DN theo Nghị quyết 68 (DN được giảm trừ 0,5% tiền đóng quỹ TNLĐ... để hỗ trợ cho NLD) thì có phải tính thuế TNCN không?

Trường hợp khác là công ty tự có chính sách hỗ trợ covid cho NLD thì thu nhập này có phải tính thuế tncn không ạ?

Trả lời: Theo Điều 1 và Điều 2 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 và theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 của Quốc hội) thì khoản tiền mà người sử dụng lao động hỗ trợ cho người lao động để phòng chống dịch Covid-19 (lấy từ việc giảm đóng vào Quỹ BH TNLĐ, bệnh nghề nghiệp) là khoản trợ cấp khác không mang tính chất tiền lương, tiền công theo quy định của Chính phủ.

Theo đó, trường hợp người sử dụng lao động hỗ trợ toàn bộ số tiền có được từ việc giảm đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động phòng, chống Covid-19 theo quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ (thực hiện Nghị Quyết 68) quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 thì khoản tiền hỗ trợ này không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của người lao động.

Câu hỏi: Công ty chúng tôi có người lao động là người nước ngoài, được công ty thuê nhà ở cho tại Hà Nội, tuy nhiên trong năm 2021 có những thời điểm để chống dịch covid, UBND Tỉnh Vĩnh Phúc yêu cầu những người ngoại tỉnh ở lại Vĩnh phúc, trong thời gian nói trên công ty chúng tôi đã thuê khách sạn cho những người LD nói trên ở tại Vĩnh Phúc. Xin hỏi: tiền thuê khách sạn đó chúng tôi có phải tính thuế thu nhập cá nhân không (giả định các hồ sơ hóa đơn chứng từ hợp lệ theo luật kế toán hiện hành)



Trả lời: Hướng dẫn tại công văn số 4410/TCT-DNNCN về chi phí cách ly y tế do dịch Covid - 19 quy định cho các khoản chi phí tiền ăn, tiền ở do cách ly y tế do dịch Covid - 19 ở trong nước và tại nước ngoài đối với trường hợp đi công tác tại nước ngoài để thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các chi phí ăn, ở của người lao động ở tại doanh nghiệp hoạt động theo phương án "3 tại chỗ". Do đó, **hướng dẫn trên không bao gồm trường hợp công ty thuê khách sạn cho người lao động ở lại tỉnh trong trường hợp nêu trên. Đối với các trường hợp không được áp dụng chính sách hỗ trợ về thuế TNCN theo nội dung hướng dẫn tại công văn số 4410/TCT-DNNCN, Tổng cục Thuế đề nghị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành về thuế TNCN và thuế TNDN.**

- Căn cứ tiết đ.1, điểm đ, Khoản 2 Điều 11 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015, khoản tiền thuê nhà, điện nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do đơn vị sử dụng lao động trả hộ tính vào thu nhập chịu thuế theo số thực tế trả hộ nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh (chưa bao gồm tiền thuê nhà) tại đơn vị không phân biệt nơi trả thu nhập. Theo đó, trường hợp người lao động nước ngoài được Công ty chi trả khoản chi phí thuê khách sạn để ở trong năm 2021 do yêu cầu của UBND Tỉnh Vĩnh Phúc yêu cầu những người ngoại tỉnh ở lại Vĩnh phúc thì khoản chi này được tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh (chưa bao gồm tiền thuê nhà).

Câu hỏi: Ngày 27/10/2021, Tổng cục Thuế có Công văn 4110/TCT-DNNCN về chính sách thuế đối với khoản chi phí liên quan đến dịch Covid-19, vậy công văn này có được áp dụng lại từ 01/01/2021 không?

Trả lời: Về vấn đề này, Bộ Tài Chính (Tổng cục Thuế) đã có công văn 4110/TCT-DNNCN ngày 27/10/2021, do đó, đề nghị thực hiện theo đúng hướng dẫn cụ thể trong công văn. Trường hợp doanh nghiệp, cá nhân trong năm 2021 chưa áp dụng theo hướng dẫn tại công văn số 4110/TCT-DNNCN thì **được áp dụng khi thực hiện quyết toán thuế năm 2021.**

Câu hỏi: Công ty tôi có **trợ cấp cho người lao động là F0 từ quỹ công đoàn** hoặc quỹ phúc lợi của Công ty. Vậy trợ cấp này NLD có phải chịu thuế TNCN không?

Trả lời:

-Về **khoản chi từ quỹ công đoàn:**

Căn cứ điều 27 Luật Công đoàn số 12/2012/QH13 ngày 20/06/2012 của Quốc hội về quy định về quản lý, sử dụng tài chính công đoàn và khoản 2, Điều 2, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về các khoản lợi ích khác mà người sử dụng lao động chi cho người lao động thì tính vào thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công, theo đó, trường hợp Công ty phát sinh các khoản chi trợ cấp F0 cho người lao động được trích từ Quỹ Công đoàn, đáp ứng các nhiệm vụ quy định tại Điều 27 Luật Công đoàn số 12/2012/QH13 thì người lao động khi nhận được các khoản chi này, **không phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN** từ tiền lương, tiền công.

-Về khoản **chi từ quỹ phúc lợi:**

Căn cứ khoản 2, Điều 2, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn nêu trên, trường hợp các khoản chi trợ cấp từ quỹ phúc lợi cho người lao động do bị F0 tính có tính chất lợi ích được hưởng **thì được tính vào thu nhập chịu thuế** thu nhập cá nhân của người lao động.

Tổ web

Các tin tức khác

[Về trang trước](#)

[Về đầu trang](#)

Giải đáp một số vướng mắc của người nộp thuế liên quan đến Quyết toán thuế Thu nhập cá nhân năm 2021 (29/03/2022)

Giải đáp một số vướng mắc của người nộp thuế liên quan đến quyết toán thuế TNDN năm 2021 (29/03/2022)

"Tháng 3 biên giới" - Chương trình thiện nguyện của Đoàn thanh niên cơ quan Tổng cục Thuế (28/03/2022)

Giải đáp chính sách, thủ tục hành chính thuế cho doanh nghiệp Nhật Bản (25/03/2022)

Thế hệ trẻ ngành Thuế luôn nêu cao tinh thần xung kích trong xây dựng ngành Thuế Việt Nam phát triển (25/03/2022)

Đoàn thanh niên Tổng cục Thuế nhiều hoạt động sôi nổi, ý nghĩa trong Tháng Thanh niên 2022 (24/03/2022)

Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế gửi thư chúc mừng 91 năm Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (24/03/2022)

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ cơ quan Tổng cục Thuế lần thứ nhất (23/03/2022)

Ứng dụng eTax Mobile sẽ liên tục được mở rộng, hình thành hệ sinh thái các dịch vụ thuế thông minh (22/03/2022)

Etax mobile - Hình thức hỗ trợ người nộp thuế nhanh chóng, thuận tiện (21/03/2022)

[Trang chủ](#) | [Sơ đồ trang](#) | [Đường dây nóng](#) | [Tải font Unicode](#) | [Liên hệ](#) | [Góp ý phản hồi](#) | [Đăng ký nhận bản tin](#) | [RSS](#)

Thuế Việt Nam - Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế

Cơ quan chủ quản: Bộ Tài chính - Số giấy phép: 207/GP-BC ngày 14/05/2004 do Cục Báo chí - Bộ VHTT cấp

Địa chỉ: 123 Lò Đức, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội | Điện thoại: (024) 39712555 | Fax: (024) 39712286

Ghi rõ nguồn "http://www.gdt.gov.vn" khi phát hành thông tin từ website này 7